

Số: 08/2019/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2019

THÔNG TƯ
Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng
ngành Lao động - Thương binh và Xã hội

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Ngành) bao gồm: Đối tượng thi đua, khen thưởng; tổ chức phong trào thi đua, danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; hình thức khen thưởng và tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định, trao tặng; tuyển trình khen thưởng; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến; Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là đơn vị) và các đơn vị trực thuộc các đơn vị thuộc Bộ; cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên tại các đơn vị.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là các sở) và các đơn vị trực thuộc các Sở; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là cấp huyện); các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở khác có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là các cơ sở giáo dục nghề nghiệp); cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên tại các sở, cấp huyện, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và công chức, người lao động làm công tác lao động, người có công và xã hội ở xã, phường, thị trấn.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước ngoài Ngành; các tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức, người nước ngoài có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển của Ngành.

Chương II

TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA, CÁC DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 3. Hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định 91/2017/NĐ-CP), Điều 4 và Điều 5 của Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 91/2017/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư 08/2017/TT-BNV).

2. Hàng năm, sau khi tổ chức phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt (chuyên đề), đơn vị phát động gửi kế hoạch tổ chức phong trào thi đua về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Bộ) để theo dõi, tổng hợp và hướng dẫn khen thưởng.

3. Thủ trưởng các đơn vị tổ chức sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua trong phạm vi đơn vị, thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xét, khen thưởng.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức triển khai phong trào thi đua

1. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Bộ trưởng) phát động và chỉ đạo các phong trào thi đua trong toàn Ngành.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Hội đồng Bộ), Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Hội đồng Ngành) có trách nhiệm tham mưu giúp Bộ trưởng về nội dung thi đua, tổ chức các phong trào thi đua, kiểm tra việc thực hiện trong phạm vi Bộ, Ngành.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp có trách nhiệm tham mưu cho thủ trưởng đơn vị cùng cấp tổ chức phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong đơn vị.

4. Thủ trưởng các đơn vị chủ động tổ chức phát động và chỉ đạo các phong trào thi đua trong phạm vi đơn vị.

5. Các đoàn thể phối hợp cấp ủy đảng, chính quyền tổ chức phát động các phong trào thi đua, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến trong phạm vi đơn vị.

Điều 5. Trách nhiệm của đơn vị (bộ phận) làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp

1. Căn cứ nhiệm vụ chính trị được giao, nhiệm vụ, chỉ tiêu công tác hàng năm, 05 năm phối hợp với các tổ chức đoàn thể tham mưu, đề xuất với lãnh đạo, cấp ủy đảng, chính quyền chủ trương, kế hoạch phát động các phong trào thi đua bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách với hình thức phong phú, hấp dẫn, có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, có tiêu chí cụ thể, nội dung thiết thực, chống hình thức.

2. Tổ chức ký kết giao ước thi đua, triển khai có hiệu quả, kết hợp với đôn đốc, kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua, công tác khen thưởng tại đơn vị.

3. Tham mưu cho thủ trưởng đơn vị tổ chức sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng kịp thời. Việc phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng các điển hình tiên tiến phải được thực hiện đồng bộ từ Trung ương đến cấp cơ sở.

4. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan thông tin, báo chí, xuất bản thuộc Bộ

Các cơ quan thông tin, báo chí, xuất bản thuộc Bộ có trách nhiệm chủ động phối hợp với cơ quan thường trực của Hội đồng Bộ, Hội đồng Ngành và các đơn vị phản ánh đúng kết quả của các phong trào thi đua; thường xuyên tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng; biểu dương, tôn vinh nhân rộng các điển hình tiên tiến, các gương người tốt, việc tốt; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Đăng ký các danh hiệu thi đua

1. Đăng ký thi đua thường xuyên: Hàng năm, các sở và đơn vị chủ động tổ chức cho các cá nhân, tập thể thuộc và trực thuộc đăng ký thi đua với các nội dung, chỉ tiêu, danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cụ thể. Tổng hợp và gửi kế hoạch thi đua về Bộ trước ngày 31 tháng 3.

2. Đăng ký thi đua theo đợt (chuyên đề): Các sở và đơn vị tổ chức phát động phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức đăng ký thi đua, tổng hợp, gửi kế hoạch về Bộ chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày phát động.

Điều 8. Các danh hiệu thi đua

1. Các danh hiệu đối với cá nhân gồm: “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” (sau đây gọi tắt là Chiến sĩ thi đua cấp Bộ), “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

2. Các danh hiệu đối với tập thể gồm: “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua cấp Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” (sau đây gọi tắt là Cờ thi đua của Bộ), “Cờ thi đua của Chính phủ”.

Điều 9. Tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho các cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư này khi đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao (đạt từ 100% kế hoạch trở lên) dựa trên kết quả của cấp có thẩm quyền về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức; Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP và các văn bản khác có liên quan.

2. Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của đơn vị.

3. Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ. Tích cực tham gia các phong trào thi đua, các hoạt động xã hội.

4. Có đạo đức, lối sống lành mạnh, có tinh thần tự lực, tự cường, tương trợ đồng nghiệp và có nhiều đóng góp xây dựng tập thể đoàn kết, vững mạnh.

5. Đạt từ 70 đến 90 điểm theo thang điểm quy định (theo mẫu số 07 kèm theo Thông tư này).

Điều 10. Tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho các cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư này khi đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

2. Có sáng kiến là các giải pháp: Kỹ thuật, quản lý, tác nghiệp hoặc ứng dụng tiến bộ cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng công nghệ mới để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở công nhận; hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu, được áp dụng trong thực tiễn đạt hiệu quả cao tại đơn vị; hoặc là thành viên Ban soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, đề án trình Thủ tướng Chính phủ đã được ban hành, đảm bảo tiến độ, chất lượng.

3. Đạt từ 91 đến 100 điểm theo thang điểm quy định (theo mẫu số 07 kèm theo Thông tư này). Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của đơn vị (chú trọng lựa chọn các cá nhân là người trực tiếp lao động), nếu có số dư thì làm tròn số theo quy định.

Điều 11. Tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” được xét tặng cho các cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư này khi đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

2. Có sáng kiến là các giải pháp: Kỹ thuật, quản lý, tác nghiệp hoặc ứng dụng tiến bộ cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng công nghệ mới để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được Hội đồng sáng kiến cấp Bộ công nhận; hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ đã được nghiệm thu được áp dụng trong thực tiễn đạt hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng đối với Bộ, Ngành; hoặc đạt giải nhất tại các Hội giảng, Hội thi cấp bộ, cấp tỉnh; hoặc là thành viên Ban soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật (từ Nghị định trở lên) đã được ban hành, đảm bảo tiến độ, chất lượng.

3. Thời điểm xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” là năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” lần thứ ba.

Điều 12. Tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư này có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có hai lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”.
2. Có sáng kiến là các giải pháp: Kỹ thuật, quản lý, tác nghiệp hoặc ứng dụng tiến bộ cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng công nghệ mới để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được Hội đồng sáng kiến cấp Bộ công nhận; hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ đã được nghiệm thu. Sáng kiến hoặc đề tài đó đã được áp dụng trong thực tiễn, đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.
3. Thời điểm xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” lần thứ hai.

Điều 13. Tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho các tập thể quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư này khi đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao (đạt từ 100% kế hoạch trở lên), có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả; ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện tốt cải cách hành chính.
3. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
4. Đạt từ 70 đến 90 điểm theo thang điểm quy định (theo mẫu số 06 kèm theo Thông tư này).

Điều 14. Tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho các đơn vị thuộc Bộ và các đơn vị trực thuộc các đơn vị thuộc Bộ có tên trong quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị do cấp có thẩm quyền ban hành khi đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.
2. Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.
3. Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ, trong đó ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
4. Đạt từ 91 đến 100 điểm theo thang điểm quy định (theo mẫu số 06 kèm theo Thông tư này).

Điều 15. Tiêu chuẩn danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ”

1. Tiêu chuẩn chung

Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ” được xét tặng hàng năm cho các sở và đơn vị tiêu biểu xuất sắc nhất, được bình xét, đánh giá, so sánh trong các cụm, khối thi đua do Hội đồng Ngành, Hội đồng Bộ tổ chức khi đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là cấp tỉnh) giao trong năm;